

Bản án số: 101/2024/DS-ST

Ngày: 28/6/2024

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang K

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Xuân M

Bà Dương Thị Kim L

- Th ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Á- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê L1, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích L2- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mê L1- thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 75/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", theo quyết định đa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (gọi tắt là A).

Địa chỉ : Số B, phường L, quận B, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Đinh Thu H- Giám đốc A chi nhánh M2

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Hoa P- Giám đốc Phòng G

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M1, sinh 1976

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện M, TP. Hà Nội.

Có mặt bà P, vắng mặt bà M1

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/12/2021, giữa **A chi nhánh M2** với Bà **Nguyễn Thị M1** có ký Hợp đồng tín dụng số 2802LAV202102895, theo đó **A chi nhánh M2** đồng ý cho Bà **Nguyễn Thị M1** vay số tiền là: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng), mục đích vay vốn: Chăn nuôi, thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày kí, phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức.

A chi nhánh M2 đã giải ngân cho Bà **Nguyễn Thị M1** theo quy định vào ngày 24/12/2021, số tiền giải ngân: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), số giải ngân: 2802LDS202105542, thời hạn cho vay: đến ngày 24/03/2023, lãi suất thời điểm cho vay 9%/năm, lãi suất thời điểm khởi kiện: 9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng Bà **Nguyễn Thị M1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nhiều lần **A Chi nhánh M2** phải đôn đốc, thông báo nhưng Bà **Nguyễn Thị M1** không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tính đến ngày 28/6/2024, Bà **Nguyễn Thị M1** còn nợ **A chi nhánh M2** số tiền là: **20.528.404** đồng. Trong đó gốc: **9.000.000** đồng; Tổng số tiền lãi: **11.528.404** đồng.

Do vậy, **A Chi nhánh M2** đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mê Linh – TP Hà Nội buộc Bà **Nguyễn Thị M1** phải trả cho **A** số tiền nêu trên và số tiền lãi tương ứng đến khi trả hết nợ cho **A**.

Tại phiên tòa hôm nay, **A** xin rút yêu cầu đòi phát mại tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị M1** vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà có lời khai: Năm 2021 bà có ký hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng N** để vay số tiền 50.000.000đ, mục đích vay để sản xuất, chăn nuôi. Quá trình thực hiện hợp đồng bà đã thanh toán cho Ngân hàng 20.000.000đ. Nay Ngân hàng khởi kiện, bà đề nghị Ngân hàng cho bà trả dần đến hết tháng 12/2024 bà sẽ trả hết cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện **Mê L1** tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đồng lối giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc bà **M1** phải trả cho Ngân hàng nợ gốc và nợ lãi trong hạn, quá hạn và tiếp tục chịu lãi trên nợ gốc kể từ ngày 29/6/2024.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phát mại tài sản.

Bà **M1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đọc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, **T** án nhân dân huyện **Mê L1** nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 24/12/2021, **A chi nhánh M2** với Bà **Nguyễn Thị M1** có ký Hợp đồng tín dụng số 2802LAV202102895, theo đó **A chi nhánh M2** đồng ý cho Bà **Nguyễn Thị M1** vay số tiền là: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng), mục đích vay vốn: Chăn nuôi, thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký, phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức.

Sau đó **A chi nhánh M2** đã giải ngân cho bà **M1** 50.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà **M1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng làm đơn khởi kiện, căn cứ khoản 1 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, **T** án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bà **M1**. Ngày 12/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh đã mở phiên tòa và tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử cho bà **M1**, nhưng bà **M1** vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa đến ngày hôm nay cho bà **M1**, nhưng bà **M1** vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy căn cứ theo Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, **T** án tiến hành xét xử vắng mặt bà là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ngày 24/12/2021, **A chi nhánh M2** với Bà **Nguyễn Thị M1** có ký Hợp đồng tín dụng số 2802LAV202102895, theo đó **A chi nhánh M2** đồng ý cho Bà **Nguyễn Thị M1** vay số tiền là: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng), mục đích vay vốn: Chăn nuôi, thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày kí, phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức.

A chi nhánh M2 đã giải ngân cho Bà **Nguyễn Thị M1** theo quy định vào ngày 24/12/2021, số tiền giải ngân: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn cho vay: đến ngày 24/03/2023, lãi suất thời điểm cho vay 9%/năm, lãi suất thời điểm khởi kiện: 9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà **M1** đã trả được 41.000.000đ tiền gốc và 2.600.712đ tiền lãi. Số tiền còn nợ tính đến hết ngày 28/6/2024 là 20.528.404đồng. Trong đó: Dư nợ gốc: 9.000.000 đồng; Lãi: 11.528.404 đồng.

Trong đó: Lãi trong hạn: 8.737.849 đồng; Lãi quá hạn: 2.790.555 đồng.

Đối với số tiền lãi trong hạn và quá hạn đến nay chị **M1** cha trả nợ cho Ngân hàng. Tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng có quy định về phương thức áp dụng lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất.

Xét việc thỏa thuận về tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của các bên trong hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu đòi số tiền lãi của Ngân hàng.

Về yêu cầu đề nghị chị **M1** phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc cha trả kể từ ngày Tòa án xét xử vụ án theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kèm theo các giấy nhận nợ cho đến khi chị **M1** trả hết khoản nợ. Theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông t số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 và theo án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc chị **M1** phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc cha trả kể từ ngày 29/6/2024 theo Hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa hôm nay **A** rút yêu cầu đề nghị phát mại tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ghi nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3] Về án phí: Chị **M1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. **Ngân hàng N** được hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 147, 227, 228, 271, 273, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 90, khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một

số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Thông t số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và **N** đối với chị **Nguyễn Thị M1**.

2.Buộc chị **Nguyễn Thị M1** phải trả cho Ngân hàng **N** tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 28/6/2024 là 20.528.404 đồng.Trong đó: Dư nợ gốc: 9.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 8.737.849 đồng; Lãi quá hạn: 2.790.555 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu đề nghị phát mãi tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ngân hàng.

3.Về án phí: Chị **Nguyễn Thị M1** phải nộp 1.026.400đ án phí dân sự sơ thẩm. Ngân **N** được hoàn lại số tiền 1.360.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008942 ngày 12/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự **huyện M**.

Kể từ ngày 29/6/2024 chị **M1** còn tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc cha thanh toán theo mức lãi xuất được điều chỉnh theo từng thời kỳ mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trờng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhân:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Các bên đương sự. **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKS huyện **Mê L1.**
- Lu hồ sơ.

Lê Quang K